

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/KDTM-ST
Ngày: 12-3-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng thi công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bành Văn Hải;

2. Ông Võ Văn Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2025/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH X; địa chỉ trụ sở: Số H, Đường số B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông W, YeChun – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông W, YeChun: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố C, phường C, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 22-8-2025); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH L1; địa chỉ trụ sở: Số I, Tổ H, ấp B, xã L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn L – chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10-6-2025, Công ty TNHH X (viết tắt Công ty X) và Công ty TNHH L1 (viết tắt Công ty L1) có ký kết hợp đồng thi công số 001/HĐKT/PT. Theo đó, Công ty L1 cung cấp vận chuyển 12.000m³ đất san lấp mặt bằng cho Công ty X, thời gian thực hiện là 30 ngày và cộng thêm 10 ngày mưa gió. Số đất này được vận chuyển đến công trường thi công 10-2, đường N, khu công nghiệp P thuộc xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Ngày 12-6-2025, ông W, Y đã chuyển khoản đặt cọc 200.000.000 đồng cho hợp đồng số 001 nêu trên vào tài khoản 5702205280822 của ông Phạm Văn L tại Ngân hàng N. Tuy nhiên, đến ngày 24-6-2025, Công ty L1 chỉ thực hiện được 1.000m³ đất đá nhưng không cung cấp được hóa đơn giá trị gia tăng. Sau đó, ông L có nhờ Công ty TNHH MTV Đ (viết tắt Công ty Đ) ra hóa đơn điện tử để Công ty X thanh toán 1.000m³ đất đá cho Công ty L1. Như vậy, Công ty X đã chấm dứt hợp đồng với Công ty L1. Đồng thời, ngày 30-6-2025, giữa Công ty X và Công ty Đ ký kết hợp đồng thi công số 002/HĐKT/PT để san lấp mặt bằng tại công trình nêu trên. Sự việc này diễn ra có cả ông L, ông W, Y, ông Q và một số người chứng kiến. Do đó, giữa công ty X không ra văn bản chấm dứt hợp đồng với công ty L1. Sau đó, công ty X nhiều lần yêu cầu công ty L1 trả lại 200.000.000 đồng tiền đặt cọc nhưng ông L hứa hẹn nhiều lần rồi mất liên lạc.

Đơn khởi kiện ngày 16-9-2025, công ty X yêu cầu công ty L1 hoàn trả 200.000.000 đồng tiền đặt cọc theo hợp đồng thi công số 001/HĐKT/PT ngày 10-6-2025, bồi thường tổn thất phát sinh từ hợp đồng số 001 và hợp đồng thi công số 002/HĐKT/PT-PQ ngày 30-6-2025 (nếu có); chi trả toàn bộ chi phí đi lại và chi phí tố tụng.

Bản tự khai ngày 06-01-2026, ông Nguyễn Văn B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu công ty L1 hoàn trả số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng. Về án phí theo quy định của pháp luật. Toàn bộ chi phí của bên khởi kiện sẽ được tổng hợp bổ sung sau khi vụ kiện kết thúc, nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện một vụ án khác.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện là buộc công ty L1 và ông Phạm Văn L hoàn trả tiền đặt cọc cho công ty X với số tiền 200.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH L1: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét

xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty X đối với công ty L1 về “Tranh chấp hợp đồng thi công”, buộc công ty L1 có nghĩa vụ trả cho công ty X 200.000.000 đồng tiền đặt cọc. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty TNHH X khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH L1 trả tiền đặt cọc theo hợp đồng thi công ngày 10-6-2025; bị đơn có địa chỉ trụ sở tại xã L, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng thi công”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện: Ngày 06-01-2026, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định nguyên đơn yêu cầu công ty L1 hoàn trả số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng. Như vậy, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết là buộc công ty L1 hoàn trả 200.000.000 đồng tiền đặt cọc. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu công ty L1 và ông Phạm Văn L hoàn trả 200.000.000 đồng tiền đặt cọc cho công ty X. Nhận thấy, việc bổ sung yêu cầu tại phiên tòa của phía nguyên đơn là vượt quá phạm vi khởi kiện nêu trên. Căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu bổ sung của nguyên đơn tại phiên tòa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: giữa Công ty X và Công ty L1 có ký kết hợp đồng thi công số 001/HĐKT/PT ngày 10-6-2025. Theo đó, hai bên thỏa thuận Công ty L1 cung cấp và vận chuyển đất nguyên chất với số lượng 12.000m² đến địa điểm thi công tại Lô A, đường N, KCN P, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; thời gian hoàn công là 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nếu thời tiết xấu có thể kéo dài thêm nhưng không có 10 ngày; công ty X thanh toán khi công ty L1 cung cấp đất nguyên chất đạt khối lượng 1000m³/lần, có xác nhận và hóa đơn VAT do công ty L1 cung cấp. Đồng thời, sau khi ký hợp đồng công ty P tiền đặt cọc cho công ty L1 với số tiền 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng được ký kết bằng văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng thi công ngày 10-6-2025 nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 138 của Luật Xây dựng.

[2.1] Về quá trình thực hiện hợp đồng: nguyên đơn cho rằng đến ngày 24-6-2025 bị đơn chỉ mới thực hiện được 1000m³ đất trong 12.000m³ thỏa thuận, không cung cấp được hóa đơn VAT nên hợp đồng số 001 nêu trên đã chấm dứt. Đồng thời, công ty L1 có nhờ công ty Đ xuất hóa đơn giá trị gia tăng để Công ty X thanh toán 1.000m³ đất và 60m³ đá cho Công ty L1. Lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở. Bởi lẽ, Hóa đơn giá trị gia tăng số 00000006 ngày 24-6-2025 của Công ty Đ có nội dung Công ty X thanh toán tiền vận chuyển đối với 1000m³ đất, 60m³ đá 0x4 với tổng số tiền 244.000.296 đồng; biên bản xác minh ngày 06-3-2026 đối với ông Phạm Văn Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ xác định có hỗ trợ xuất hóa đơn ngày 24-6-2025 để Công ty X thanh toán cho công ty L1, còn hợp đồng thi công ngày 30-6-2025 giữa công ty Đ và công ty X là độc lập. Ngoài ra, các bản ảnh bị đơn cung cấp có thể hiện thông tin chuyển tiền qua tài khoản giữa công ty X và công ty Đ vào các ngày 24, 30-6-2025 với tổng số tiền như hóa đơn nêu trên.

[2.2] Như vậy, hợp đồng thi công ngày 10-6-2025 đã chấm dứt, hai bên thanh toán xong khối lượng công việc được thực hiện vào ngày 30-6-2025. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đều vắng mặt, không có lời trình bày để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; chỉ cung cấp các bản ảnh về thông tin chuyển khoản như nêu trên và các phiếu vận chuyển đất, đá của công ty Đ vào ngày 07-7-2025. Trong khi đó, nguyên đơn có đặt cọc cho bị đơn số tiền 200.000.000 đồng theo giấy nộp tiền tại Ngân hàng S – P1 ngày 12-6-2025; số tiền này chưa khấu trừ trong việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả 200.000.000 đồng tiền đặt cọc là có căn cứ.

[2.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu công ty L1 và ông Phạm Văn L có nghĩa vụ trả số tiền đặt cọc nêu trên là không

phù hợp. Bởi lẽ, mục đích công ty P 200.000.000 đồng vào tài khoản của ông Phạm Văn L là để đặt cọc cho công ty L1 theo các thông tin về số tài khoản và thỏa thuận được ghi trong hợp đồng thi công ngày 10-6-2025. Đồng thời, tại phần thủ tục tổ tụng về phạm vi khởi kiện cũng đã xem xét và không chấp nhận yêu cầu bổ sung của phía nguyên đơn.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 138, 140, 141, 145, 146, 147 của Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH X đối với công ty TNHH L1 về “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Buộc công ty TNHH L1 có nghĩa vụ trả cho công ty TNHH X số tiền đặt cọc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH L1 phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Công ty TNHH X tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu số 0007228 ngày 14-10-2025.

3. Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV11;
- Thi hành án dân sự TTN;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Linh